

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

1. Khái quát về dự án:

1.1. Tên các dự án:

1. Xây dựng xuất tuyến trung áp mạch kép khai thác công suất TBA 110kV Hưng Nguyên, đảm bảo cấp điện cho KCN VSIP Nghệ An

- Căn cứ Quyết định số 1689/QĐ-EVNNPC ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực miền Bắc về việc duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD bổ sung kế hoạch năm 2025 cho Công ty Điện lực Nghệ An;

- Căn cứ quyết định số 5595/QĐ-PCNA ngày 02/11/2025 của Giám đốc Công ty Điện lực Nghệ An về việc phê duyệt Dự án;

- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

- Quy mô đầu tư:

Xây dựng mới 02 xuất tuyến 22kV san tải cho các XT 22kV hiện trạng (473E15.43, 475E15.43).

+ Đường dây cáp ngầm chống cháy 22kV: Cu/XLPE/PVC/DSTA/Fr-PVC-W-3x300-12,7/22(24)kV mạch kép với chiều dài tuyến 0,07km (tổng chiều dài 2 mạch 0,14km).

+ Đường dây cáp ngầm 22kV: Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W-3x300-12,7/22(24)kV mạch kép với chiều dài tuyến 2,032km (tổng chiều dài 2 mạch 4,064km).

+ Đường dây cáp ngầm 22kV: Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W-3x300-12,7/22(24)kV mạch đơn với chiều dài tuyến 0,573km.

+ Tuyến đường dây trên không mạch kép treo dây 1 mạch xây dựng mới dây AC185/24 chiều dài tuyến 0,719km.

+ Thiết bị đóng cắt Recloser 24kV số lượng 02 bộ; Bổ sung 02 thiết bị kết nối (modem APN) cho 02 Recloser lắp đặt mới; Xây dựng kênh truyền 4G/APN để kết nối các Recloser lắp đặt mới về TTĐK và từ TTĐK về trung tâm giám sát dữ liệu của Tổng công ty.

+ Thiết bị đóng cắt cầu dao cách ly 24kV trên đường dây số lượng 03 bộ.

1.3. Nguồn vốn: Vay KHCB và tín dụng thương mại của EVN.;

2. Khái quát về gói thầu:

2.1. Tên gói thầu: Gói 03: Tư vấn Giám sát thi công xây dựng dự án Xây dựng xuất tuyến trung áp mạch kép khai thác công suất TBA 110kV Hưng Nguyên, đảm bảo cấp điện cho KCN VSIP Nghệ An

2.2. Nội dung công việc của gói thầu: Giám sát Thi công xây dựng dự án

2.3. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

II. Phạm vi công việc:

Nội dung công việc:

a) Thực hiện giám sát công tác thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị thuộc dự án Xây dựng xuất tuyến trung áp mạch kép khai thác công suất TBA 110kV Hưng Nguyên, đảm bảo cấp điện cho KCN VSIP Nghệ An

c) Bảng tiên lượng mời thầu của gói Tư vấn giám sát:

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Tư vấn Giám sát thi công xây dựng dự án Xây dựng xuất tuyến trung áp mạch kép khai thác công suất TBA 110kV Hưng Nguyên, đảm bảo cấp điện cho KCN VSIP Nghệ An	Dự án	01

2. Phạm vi công việc của nhà thầu Tư vấn giám sát:

Nhà thầu thực hiện giám sát công tác lắp đặt thiết bị, thi công xây lắp công trình để hoàn thành đóng điện các hạng mục theo quy mô của gói thầu “Tư vấn giám sát”.

a- Tổ chức quản lý điều phối:

- Xác lập cam kết và trách nhiệm của nhà thầu với chủ đầu tư, thiết lập chính sách chất lượng, an toàn và môi trường cho dự án.

- Xác lập các nguyên tắc chất lượng và xác lập trách nhiệm và quyền hạn của các bên liên quan.

- Xác lập các nguyên tắc tổ chức trong phạm vi hoạt động của dự án.

- Hoạch định việc trao đổi thông tin.

- Hoạch định hệ thống tài liệu, hồ sơ, các quy trình quy phạm.

- Chuẩn bị và viết biên bản các cuộc họp điều phối, ghi nhận thông tin.

- Chuẩn bị hoặc thu thập các tài liệu cần thiết và cùng tham gia các cuộc họp, ra quyết định, nhắc nhở kiểm điểm các nhà thầu cũng như đề ra các chế tài cần thiết để răn đe.

b- Hoạch định dự án:

- Quản lý các nhà thầu.

- Hoạch định việc quản lý vật tư, bảo vệ tài sản, an toàn công trường.

- Quản lý các thay đổi bao gồm cả thay đổi về thiết kế.

- Hoạch định kế hoạch kiểm tra, đánh giá theo các giai đoạn của dự án. Xác lập các tiêu chí cơ bản để đánh giá chất lượng của từng giai đoạn.

- Hoạch định kênh tiếp nhận thông tin, phản hồi, khiếu nại... phương thức giải quyết xung đột.

c- Quản lý hợp đồng:

- Quản lý các yếu tố thay đổi trong phạm vi hợp đồng.

- Quản lý các yếu tố bất khả kháng.

- Quản lý các công việc thực hiện không có hợp đồng.
- Quản lý hợp đồng từ lúc phát hành cho đến khi thanh lý.
- Giám sát việc thực hiện thanh toán cho nhà thầu, đảm bảo nhà thầu thực hiện đúng nghĩa vụ về phạm vi, kế hoạch và chất lượng.
- Hỗ trợ chủ đầu tư giải quyết những tranh cãi của hợp đồng, luôn thực hiện một cách trung lập giữa chủ đầu tư và nhà thầu trong quá trình thi công nhằm đảm bảo các bên phải thực hiện một cách triệt để về điều khoản hợp đồng.
- Kiểm tra sự hợp lý trong các đề nghị thanh toán giữa kỳ, các hạng mục phát sinh và tiến độ thanh toán liên quan đến thời hạn của nhà thầu thông qua giám sát xây dựng.

d- Quản lý chất lượng:

Căn cứ vào kế hoạch chất lượng, kế hoạch an toàn, môi trường đã được hoạch định về chi tiết gồm:

- Kiểm tra và giám sát trong quá trình thi công xây dựng công trình bao gồm:
 - + Phát hành quy trình quản lý chất lượng của dự án, kiểm tra quy trình chất lượng của nhà thầu, nghiệm thu hệ thống chất lượng của nhà thầu.
 - + Kiểm tra khối lượng đảm bảo đúng theo yêu cầu thi công xây dựng lắp đặt thiết bị kỹ thuật và các hạng mục công trình.
 - + Kiểm tra các điều kiện khởi công công trình xây dựng theo qui định của pháp luật.
 - + Kiểm tra sự phù hợp năng lực của nhà thầu thi công xây dựng công trình với hồ sơ dự thầu và hợp đồng xây dựng, bao gồm:

Kiểm tra về nhân lực, thiết bị thi công của nhà thầu thi công xây dựng công trình đưa vào công trường;

Kiểm tra hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng công trình;

Kiểm tra giấy phép sử dụng các máy móc, thiết bị, vật tư có yêu cầu an toàn phục vụ thi công xây dựng công trình;

Kiểm tra phòng thí nghiệm và các cơ sở sản xuất vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng phục vụ thi công xây dựng của nhà thầu thi công xây dựng công trình.

+ Kiểm tra biện pháp thi công của nhà thầu thi công; Kiểm tra và giám sát thường xuyên có hệ thống quá trình nhà thầu thi công triển khai các công việc tại hiện trường. Kết quả kiểm tra đều phải ghi nhật ký giám sát hoặc biên bản kiểm tra theo quy định.

+ Phát hiện sai sót, bất hợp lý về thiết kế để điều chỉnh hoặc yêu cầu nhà thầu thiết kế điều chỉnh (thông qua chủ đầu tư).

+ Tổ chức kiểm định lại chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình và công trình xây dựng khi có nghi ngờ về chất lượng.

+ Phối hợp với các bên liên quan giải quyết các vướng mắc phát sinh trong thi

công xây dựng công trình.

- + Kiểm soát các phát sinh, sự thay đổi.

- Tổ chức nghiệm thu bàn giao công trình:

- + Tập hợp, kiểm tra tài liệu phục vụ nghiệm thu công việc xây dựng, bộ phận công trình, giai đoạn thi công xây dựng, nghiệm thu thiết bị, nghiệm thu hoàn thành từng hạng mục công trình và hoàn thành công trình xây dựng.

- + Kiểm soát hệ thống nghiệm thu nội bộ của các nhà thầu.

e- Quản lý tiến độ:

- Lập tiến độ tổng thể và đánh giá sự khác biệt với kế hoạch thi công để đạt được yêu cầu về tiến độ thi công.

- Lập biểu cấu trúc phân chia công việc bằng cách phân chia theo từng gói công việc.

- Xác định danh sách chính vật liệu và thiết bị.

- Xem xét thường xuyên và cập nhật tiến độ tổng thể, ghi chú bất kỳ những bên liên quan nào làm chậm tiến độ và báo cáo chủ đầu tư.

- Việc quản lý phát sinh, chế độ phạt hợp đồng, nhà thầu không đủ năng lực...

- Mức độ cần thiết có sự can thiệp và hỗ trợ của chủ đầu tư.

- Kiểm soát thi công xây dựng:

- + Làm rõ các yêu cầu hậu cần, cung ứng cho việc thi công.

- + Chuẩn bị và cập nhật kế hoạch kiểm tra mốc thời hạn và cập nhật tiến độ thi công tổng thể của dự án.

- + Kiểm tra tổng thể các hoạt động xây dựng, đề xuất và thống nhất các biện pháp kiểm soát.

- + Xác định những trì hoãn có thể xảy ra và đề xuất khắc phục.

- Báo cáo kế hoạch tiến độ với chủ đầu tư.

f- Quản lý an toàn lao động:

- Chính sách an toàn, phát hành những yêu cầu an toàn của dự án, xem xét kế hoạch an toàn của nhà thầu, kiểm tra tổ chức an toàn của nhà thầu.

- Tất cả các công việc phải được đánh giá rủi ro.

- Xây dựng nguyên tắc các công việc phải được đánh giá rủi ro và kiểm soát ngăn chặn những ảnh hưởng tiến độ.

- Xây dựng danh mục luật định phải tuân thủ.

- Báo cáo chủ đầu tư trong việc lao động không đảm bảo an toàn gây nguy hiểm đến tính mạng cho người lao động và những người xung quanh để đình chỉ thi công (nếu có).

- Chế độ báo cáo rủi ro, tai nạn.

- Chế độ báo cáo việc đánh giá sự tuân thủ.

- Các phương án đối phó các tình huống khẩn cấp.

+ Đảm bảo nhà thầu thi công xây dựng phải lập các biện pháp an toàn cho người, công trình và xử lý sự cố trên công trường xây dựng.

+ Quy định nhà thầu thi công và các bên có liên quan xây dựng các biện pháp an toàn, nội quy về an toàn, có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động và phòng chống cháy nổ trên công trường. Người lao động phải có bảo hiểm lao động, bảo hiểm nghề nghiệp và phải có hợp đồng lao động. Được trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động liên quan tới công việc như mũ, nón, dây an toàn, giày dép..., an toàn lao động theo quy định trên công trường.

+ Quy định nhà thầu xây dựng đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo an toàn lao động. Nghiêm cấm sử dụng người lao động chưa được đào tạo và chưa được hướng dẫn về an toàn lao động.

g- Quản lý môi trường:

- Đưa ra các biện pháp để nhà thầu thi công xây dựng phải thực hiện đảm bảo về môi trường cho người lao động và bảo vệ môi trường xung quang bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và bao che, thu dọn phế thải đưa đến nơi quy định, đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường.

- Đề xuất và thống nhất việc nhà thầu phải có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường.

h- Quản lý rủi ro:

- Nhận dạng rủi ro.

- Đánh giá rủi ro.

- Giải quyết, xử lý rủi ro.

- Kiểm soát rủi ro: Trong quản lý rủi ro cần lưu ý sự thay đổi do thiết kế và các ảnh hưởng đến công trình.

i- Tiến độ công việc và nhân sự:

- Thực hiện đánh giá tiến độ và báo cáo hàng tuần.

- Kiểm soát tiến độ thi công theo bảng đăng ký tiến độ thi công của nhà thầu nếu không đạt tiến độ phải báo cáo chủ đầu tư để có phương án xử lý.

- Xem xét tiến độ thi công của nhà thầu và cập nhật tiến độ thi công của tổng thể dự án.

- Kiểm soát tiến trình thi công và mua sắm, xác định những trì hoãn có thể xảy ra và đề xuất khắc phục.

- Cập nhật định kỳ phân tích rủi ro và kiểm soát ngăn chặn những sự việc có khả năng ảnh hưởng đến tiến độ.

- Kiểm tra thường xuyên việc bố trí nhân lực của nhà thầu đúng năng lực và kinh nghiệm theo hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

k- Báo cáo:

- Lập và đề trình đến chủ đầu tư báo cáo tháng thể hiện rõ những điểm nổi bật của quá trình thi công, cập nhật tiến độ tổng thể của dự án, những vấn đề liên quan, ảnh hưởng đến tiến độ của dự án.

- Tiến độ thực hiện gói thầu kể từ khi hợp đồng có hiệu lực, biện pháp và phương án giảm tiến độ, bù tiến độ nếu có.

- Hợp giao ban tuần, quý, tháng. Bàn bạc đưa ra giải pháp.

l- Phạm vi công việc của nhà thầu Tư vấn giám sát trong từng giai đoạn của dự án:

- Kiểm tra, đối chiếu hồ sơ bản vẽ kỹ thuật với thiết kế kỹ thuật, TKBVTC được phê duyệt và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành được áp dụng trong thiết kế cho công trình.

- Kiểm tra các điều kiện khởi công công trình xây dựng theo quy định của pháp luật, lệnh khởi công, tim mốc tọa độ,

- Tổ chức đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường của công trình.

- Kiểm tra sự phù hợp năng lực của nhà thầu thi công xây dựng công trình với hồ sơ dự thầu và hợp đồng xây dựng.

- Kiểm tra về nhân lực, thiết bị thi công của nhà thầu thi công xây dựng đưa vào công trường.

- Kiểm tra hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng công trình.

- Kiểm tra giấy phép sử dụng các máy móc, thiết bị, vật tư có yêu cầu an toàn phục vụ thi công xây dựng công trình.

- Kiểm tra phòng thí nghiệm và các cơ sở sản xuất vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng phục vụ thi công xây dựng của nhà thầu thi công xây dựng công trình.

- Kiểm tra, giám sát hệ thống trắc đạc cho công trình như: tọa độ, cao độ, lưới khống chế, hệ thống quan trắc...

- Kiểm tra và giám sát chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị lắp đặt vào công trình do nhà thầu thi công xây dựng công trình, nhà thầu lắp đặt thiết bị thực hiện theo yêu cầu của thiết kế bao gồm:

+ Kiểm tra giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất, kết quả thí nghiệm của các phòng thí nghiệm hợp chuẩn và kết quả kiểm định chất lượng thiết bị của các tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận đối với vật tư, thiết bị, vật liệu, cấu kiện, sản phẩm ...

+ Trường hợp nghi ngờ các kết quả kiểm tra chất lượng vật tư thiết bị, vật liệu, lắp đặt vào công trình do nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu cung cấp thiết bị thực hiện thì tư vấn giám sát báo cáo chủ đầu tư để tiến hành thực hiện kiểm tra trực tiếp vật tư thiết bị, vật liệu lắp đặt trong công trình xây dựng.

- Kiểm tra giám sát trong quá trình thi công xây dựng công trình:

+ Tổ chức các cuộc họp trước khi thi công và kiểm tra tập kết vật tư thiết bị của nhà thầu.

+ Kiểm tra biện pháp thi công.

+ Kiểm tra và giám sát thường xuyên có hệ thống quá trình nhà thầu thi công xây dựng công trình triển khai các công việc tại hiện trường. Kết quả kiểm tra đều phải ghi nhật ký giám sát của chủ đầu tư hoặc biên bản kiểm tra theo quy định.

+ Nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng (Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng).

+ Tập hợp, kiểm tra tài liệu phục vụ nghiệm thu công việc xây dựng, bộ phận công trình, giai đoạn thi công xây dựng, nghiệm thu hoàn thành từng hạng mục công trình xây dựng và hoàn thành công trình xây dựng.

+ Phát hiện sai sót, bất hợp lý về thiết bị đề nghị chủ đầu tư điều chỉnh hoặc yêu cầu nhà thầu thiết kế điều chỉnh.

+ Tổ chức kiểm định lại chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình và công trình khi có nghi ngờ về chất lượng hoặc theo các văn bản pháp luật quy định.

+ Phối hợp các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thi công xây dựng.

+ Xác nhận bản vẽ hoàn công.

- Đưa công trình vào sử dụng:

+ Chuẩn bị sổ sách kế toán cuối cùng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về tính chính xác, hợp lý của khối lượng và giá trị thanh toán.

+ Kiểm tra việc tổ chức quy trình vận hành chạy thử của nhà thầu.

+ Kiểm tra việc hoàn thành các tồn tại.

+ Giám sát giai đoạn hoàn thành sau cùng và bàn giao bản vẽ hoàn công, hồ sơ pháp lý và sổ tay vận hành (nếu có), bảo hành công trình.

+ Xác nhận thanh quyết toán cho nhà thầu.

+ Lập báo cáo sau cùng cho dự án.

- Các lưu ý khác:

Thực hiện việc giám sát thi công xây dựng ngay từ khi khởi công công trình và thường xuyên liên tục trong quá trình thi công. Theo dõi, kiểm tra về khối lượng thi công, chất lượng sản phẩm của từng hạng mục và toàn bộ công trình theo quy định quản lý chất lượng hiện hành và tiêu chuẩn áp dụng trong thiết kế được duyệt; tiến độ thực hiện, an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong thi công xây dựng công trình.

Đối với công tác giám sát thi công xây dựng công trình, chất lượng và yêu cầu kỹ thuật phải tuân thủ các quy định của luật xây dựng và các thành phần có liên quan theo Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

Thực hiện báo cáo tiến độ thi công trên hiện trường bằng file mềm cho chuyên

viên theo dõi trực tiếp dự án trước 16h30' ngày thứ 5 hàng tuần

Cập nhật và ký số điện tử các biên bản nghiệm thu, nhật ký thi công trên phần mềm Quản lý quản lý đầu tư xây dựng của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (Imis 2) hằng ngày.

Hằng ngày cập nhật hình ảnh thi công lên phần mềm “Hệ thống giám sát đầu tư xây dựng” của Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo văn bản hướng dẫn: Văn bản số 2633/EVN NPC-ĐT ngày 03/7/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc về việc Quản lý, giám sát chất lượng công trình bằng hình ảnh trên phần mềm QL ĐTXD; Văn bản số 1480/PCNA-BDA ngày 30/7/2018 của Công ty Điện lực Nghệ An về việc Thực hiện chụp ảnh hiện trường các công trình đầu tư xây dựng để cập nhật phần mềm QL ĐTXD

3. Thời gian bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn:

Ngay sau khi Chủ đầu tư phát lệnh khởi công công trình.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nhà thầu phải báo cáo chủ đầu tư về tiến độ và thời gian thực hiện các công việc theo tuần.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Yêu cầu về nhân sự cần thiết cho gói thầu và cho từng vị trí : Theo yêu cầu của E-HSMT.

V. Quyền hạn và Trách nhiệm của Chủ đầu tư (Bên mời thầu):

1. Quyền hạn:

- Chủ đầu tư sẽ thông báo quyết định về nhiệm vụ, quyền hạn của người Tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị cho nhà thầu thi công xây dựng công trình và bộ phận thiết kế xây dựng công trình biết để phối hợp thực hiện.

- Khi phát hiện các sai phạm về chất lượng công trình xây dựng của nhà thầu thi công xây dựng công trình thì TVGS phải buộc nhà thầu dừng thi công và yêu cầu khắc phục hậu quả.

- Chủ đầu tư có quyền kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng của nhà thầu Tư vấn giám sát. Nếu phát hiện nhà thầu Tư vấn giám sát thực hiện không đúng các điều khoản hợp đồng đến lần thứ 3 thì nhà thầu Tư vấn giám sát bị đình chỉ thực hiện, thu hồi bảo lãnh thực hiện hợp đồng và thanh lý hợp đồng (*ví dụ: thiếu cán bộ so với đề xuất của nhà thầu theo từng giai đoạn thi công công trình, ...*).

2. Trách nhiệm:

- Chủ đầu tư sẽ cung cấp cho nhà thầu tư vấn các thông tin, tài liệu liên quan đến dự án mà Chủ đầu tư có được trong khoảng thời gian sớm nhất theo đề nghị của nhà thầu tư vấn;

- Chủ đầu tư sẽ cung cấp cho nhà thầu tư vấn một (01) bản sao của tất cả các tài liệu liên quan đến thiết kế, hợp đồng đã ký kết với các nhà thầu khác;

- Chủ đầu tư sẽ cùng hợp tác với nhà thầu tư vấn và tạo điều kiện đến mức tối đa cho nhà thầu tư vấn trong quá trình thực hiện hợp đồng;

- Thanh toán: Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu toàn bộ giá hợp đồng theo đúng các qui định được thoả thuận trong hợp đồng.

- Thông tin: CĐT sẽ trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của TVGS trong vòng 10 ngày làm việc.

- Nhân lực của Chủ đầu tư: CĐT có trách nhiệm cử những cá nhân có đủ năng lực và chuyên môn phù hợp với từng công việc để làm việc với TVGS.

- Chủ đầu tư sẽ cùng bàn bạc và đi tới thống nhất trước khi quyết định các vấn đề quan trọng liên quan đến phạm vi công việc của nhà thầu tư vấn

- Chủ đầu tư sẽ cấp biên bản xác nhận việc hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng này cho nhà thầu tư vấn. Tuy nhiên tất cả việc phê duyệt hay cấp bất kỳ văn bản nào của Chủ đầu tư không làm giảm trách nhiệm của nhà thầu tư vấn trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: Công ty Điện lực Nghệ An – Tổng Công ty Điện lực miền Bắc số 02 đường Duy Tân – Phường Trường Vinh – tỉnh Nghệ An Điện Thoại: 0238 2618688 Số fax: 02388 691.695
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu: _____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]
E-ĐKC 1.10	Địa điểm dự án: Xã Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
E-ĐKC 1.11	Ngày hợp đồng có hiệu lực: <i>Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng</i>
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu khác: Không
E-ĐKC 4.1	Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: Các phụ lục hợp đồng
E-ĐKC 5.1	Các trường hợp khác: <i>không áp dụng</i>
E-ĐKC 7	Loại hợp đồng: Trọn gói
E-ĐKC 8	Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp. (1) Đối với loại hợp đồng trọn gói: giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu.
E-ĐKC 10	- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản - Đồng tiền thanh toán: VND. - Thời hạn thanh toán: trong vòng 30 ngày
E-ĐKC 11	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: Không áp dụng
E-ĐKC 12	Thời gian thực hiện hợp đồng: 120 ngày
E-ĐKC 13.1	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 05 ngày
E-ĐKC 13.2 (e)	Các trường hợp khác: Không áp dụng
E-ĐKC 14.2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 10 ngày
E-ĐKC 16.1	Danh sách nhà thầu phụ : Không
E-ĐKC 16.2	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 0% giá hợp đồng.
E-ĐKC 16.4	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ : không

<p>E-ĐKC 17</p>	<p><i>Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo một trong các cách thức sau:</i></p> <p>- <i>Chỉ áp dụng phạt vi phạm hợp đồng.</i></p> <p>Đối với Bên B: Nếu chậm tiến độ thực hiện Hợp đồng 10 ngày đầu tiên thì phạt 2% giá Hợp đồng. Phạt 0,5% -:- 1% cho mỗi đợt 10 ngày tiếp theo, nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị Hợp đồng bị vi phạm.</p>
<p>E-ĐKC 19.1</p>	<p>Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu: Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt nêu trong E-HSDT hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm và năng lực tương đương</p>
<p>E-ĐKC 20</p>	<p>Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư:</p> <p>Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho chủ đầu tư tối thiểu là 30 ngày trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Sau 45 ngày liên tục công việc bị ngừng do lỗi của chủ đầu tư.</p> <p>b) Chủ đầu tư không thanh toán cho nhà thầu theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 10 sau 45 ngày kể từ ngày chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.</p> <p>c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 21 .</p> <p>d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà nhà thầu không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 15 ngày.</p> <p>đ) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải Điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự Điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.</p> <p>3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ Điều Khoản về giải quyết tranh chấp.</p> <p>4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng, thì</p>

	<p>ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, nhà thầu sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.</p> <p>5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác).</p>
E-ĐKC 22.2	<p>Giải quyết tranh chấp: - Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các Bên sẽ gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam theo quy định của pháp luật. Quyết định của Trọng tài là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các Bên;</p>
E-ĐKC 23.1	<p>Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:</p> <p>- Địa chỉ liên lạc của Chủ đầu tư: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____</p> <p>- Địa chỉ liên lạc của nhà thầu: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____</p>

CHƯƠNG VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu mà áp dụng loại hợp đồng DVTV cho phù hợp.

Trường hợp hợp đồng có một hoặc nhiều hợp đồng bộ phận, chủ đầu tư vận dụng biểu mẫu hợp đồng DVTV loại hợp đồng trọn gói và loại hợp đồng theo thời gian để xây dựng hợp đồng DVTV.

*Khi sử dụng cần chú ý không được thay đổi E-ĐKC, các điều khoản trong **E-ĐKCT** cần được thực hiện như mô tả trong ghi chú bằng chữ in nghiêng cho từng điều khoản.*

HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____ [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

Gói thầu: _____ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]

Thuộc dự án: _____ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (*Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (*Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15)*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] và Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của chủ đầu tư; [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được chủ đầu tư và Nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

- Các căn cứ khác (nếu có). [*Hệ thống đề trường ký tự để chủ đầu tư/đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Đối với trường hợp chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: ____; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đối với trường hợp chủ đầu tư ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:

Chủ đầu tư

Tên chủ đầu tư: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____; [chủ đầu tư kê khai thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)

Tên Đơn vị được ủy quyền: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____; [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền) [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin].

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục A “Điều khoản tham chiếu” kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng;
2. Phụ lục hợp đồng gồm điều khoản tham chiếu, nhân sự của nhà thầu, trách nhiệm báo cáo của nhà thầu;
3. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
4. Biên bản thương thảo hợp đồng, biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
5. E-ĐKC của hợp đồng;
6. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
7. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;
8. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu (nếu có);
9. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);
10. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

1. Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho Nhà thầu theo giá hợp đồng và phương thức nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

2. Chủ đầu tư chỉ định ông/bà _____ [Ghi rõ họ tên] là cán bộ phụ trách của Chủ đầu tư để điều phối các hoạt động thuộc phạm vi hợp đồng này.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

1. Thực hiện các nghĩa vụ được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này;
2. Đảm bảo huy động và bố trí nhân sự được liệt kê tại Phụ lục B “Nhân sự của nhà thầu” để thực hiện dịch vụ;
3. Nộp báo cáo cho chủ đầu tư trong thời hạn và theo các hình thức được nêu trong Phụ lục C “Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu”;
4. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Hợp đồng trọn gói ⁽³⁾

a) Giá hợp đồng: *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*

Giá hợp đồng: _____ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

b) Thời hạn thanh toán:

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).*

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.*

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.*

Tổng số tiền thanh toán _____ *[Ghi giá trị và đồng tiền]*

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

2. Hợp đồng theo đơn giá cố định⁽³⁾

a) Giá hợp đồng *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- Giá trị thuế

- Dự phòng.

b) Thời hạn thanh toán:

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).*

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

Tổng số tiền thanh toán _____ [Ghi giá trị và đồng tiền]

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

3. Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh⁽³⁾

a) Giá hợp đồng: [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- Giá trị thuế

- Dự phòng: trong đó nêu rõ giá trị trượt giá tạm tính trên cơ sở dự kiến trượt giá và quy định pháp luật về quản lý chi phí .

b) Thời hạn thanh toán:

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

Tổng số tiền thanh toán _____ [Ghi giá trị và đồng tiền]

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

4. Hợp đồng theo thời gian⁽³⁾

a) Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải trả, chi tiết như sau:

- Thù lao cho chuyên gia:

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu thù lao tính theo tháng người hoặc theo tuần, theo ngày, theo giờ (lựa chọn một trong ba nội dung và xóa nội dung còn lại) như đã thống nhất tại Phụ lục B.

- Chi phí khác cho chuyên gia:

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu các chi phí khác với mức trần là *[Ghi giá trị và đồng tiền thanh toán]* cho các khoản chi thực tế hoặc khoản gọn⁽⁴⁾ dưới đây:

+ Chi phí công tác (bao gồm chi phí đi lại, phụ cấp công tác và lưu trú), tiền văn phòng phẩm và photô, in ấn tài liệu, chi phí liên lạc. Chi phí này sẽ được hoàn trả và cần được chủ đầu tư xác nhận;

+ Chi phí khác đã được chủ đầu tư phê duyệt.

b) Thời hạn thanh toán:

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền]* khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền]* khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền]* khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

Tổng số tiền thanh toán _____ *[Ghi giá trị và đồng tiền]*

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

5. Phương thức thanh toán: _____ *[Hệ thống trích xuất phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 10.2 E-ĐKCT].*

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: *[Hệ thống trích xuất loại hợp đồng theo E-ĐKCT].*

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ *[Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 9 E-ĐKC, E-HSĐT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].*

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ *[Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về ngày có hiệu lực của hợp đồng].*

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

CỦA NHÀ THẦU

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN

[xác nhận, chữ ký số]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-ĐKCT.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Lựa chọn bảo đảm phù hợp với Mục 7 E-ĐKCT của hợp đồng

(4) Ghi rõ loại chi phí nào thanh toán theo thực tế phát sinh hoặc chi phí nào khoán gọn.

PHỤ LỤC

- Phụ lục A: Điều khoản tham chiếu
- Phụ lục B: Nhân sự của nhà thầu
- Phụ lục C: Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu.

Mẫu số 17 (Webform trên Hệ thống)

THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Hệ thống trích xuất tên nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [*Hệ thống trích xuất tên chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [*Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu*], Chủ đầu tư thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu _____ [*Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu*] với giá hợp đồng là _____ [*Hệ thống trích xuất giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [*Hệ thống trích xuất thông tin trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: ____ [*ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...*];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng thực hiện qua Hệ thống.

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm⁽²⁾ ____ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại.

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do ____ [ghi tên chủ đầu tư] tổ chức:

[- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình đối chiếu tài liệu;

- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình thương thảo hợp đồng (nếu có) đối với trường hợp thương thảo hợp đồng trực tiếp;

- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà thầu]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, chủ đầu tư giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[ghi tên người đại diện theo pháp luật
của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng
dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền

của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện, ký hợp đồng. Giấy ủy quyền phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

PHỤ LỤC CÁC VÍ DỤ

Tiêu chuẩn đánh giá chi tiết về mặt kỹ thuật của gói thầu tư vấn khảo sát, thiết kế chi tiết Hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải thành phố X

<i>TT</i>	<i>Tiêu chuẩn đánh giá</i>	<i>Điểm tối đa</i>	<i>Thang điểm chi tiết</i>	<i>Điểm tối thiểu</i>
1	<i>Kinh nghiệm nhà thầu</i>	15		10
1.1	<i>Kinh nghiệm quốc tế về thiết kế các dự án cấp thoát nước và xử lý nước thải tương tự trong 10 năm gần đây</i>	5		
1.1.1	<i>Kinh nghiệm thiết kế các dự án cấp nước</i>	2,5		
	<i>>= 10 dự án (đạt 100% số điểm)</i>		2,5	
	<i>8-9 dự án (đạt 90% số điểm)</i>		2,25	
	<i>6-8 dự án (đạt 70% số điểm)</i>		1,75	
	<i>3-5 dự án (đạt 40% số điểm)</i>		1	
	<i>< 3 dự án (đạt 0 điểm)</i>		0	
1.1.2	<i>Kinh nghiệm thiết kế các dự án thoát nước và xử lý nước thải</i>	2,5		
	<i>>= 10 dự án (đạt 100% số điểm)</i>		2,5	
	<i>8-9 dự án (đạt 90% số điểm)</i>		2,25	
	<i>6-8 dự án (đạt 70% số điểm)</i>		1,75	
	<i>3-5 dự án (đạt 40% số điểm)</i>		1	
	<i>< 3 dự án (đạt 0 điểm)</i>		0	
1.2	<i>Kinh nghiệm thiết kế các dự án cấp thoát nước và xử lý nước thải tương tự trong 10 năm gần đây tại khu vực Đông Nam Á</i>	5		
1.2.1	<i>Kinh nghiệm thiết kế các dự án cấp nước</i>	2,5		
	<i>>= 6 dự án (đạt 100% số điểm)</i>		2,5	
	<i>4-5 dự án (đạt 90% số điểm)</i>		2,25	
	<i>2-3 dự án (đạt 70% số điểm)</i>		1,75	
	<i>1 dự án (đạt 40% số điểm)</i>		1	
	<i>0 dự án (đạt 0 điểm)</i>		0	
1.2.2	<i>Kinh nghiệm thiết kế các dự án thoát nước và xử lý nước thải</i>	2,5		

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm tối thiểu
	>= 6 dự án (đạt 100% số điểm)		2,5	
	4-5 dự án (đạt 90% số điểm)		2,25	
	2-3 dự án (đạt 70% số điểm)		1,75	
	1 dự án (đạt 40% số điểm)		1	
	0 dự án (đạt 0 điểm)		0	
1.3	Kinh nghiệm tư vấn các dự án cấp thoát nước và xử lý nước thải tương tự trong 10 năm gần đây tại Việt Nam	6		
1.3.1	Kinh nghiệm thiết kế các dự án cấp nước	3		
	>= 6 dự án (đạt 100% số điểm)		3	
	4-5 dự án (đạt 90% số điểm)		2,7	
	2-3 dự án (đạt 70% số điểm)		2,1	
	1 dự án (đạt 40% số điểm)		1,2	
	0 dự án (đạt 0 điểm)		0	
1.3.2	Kinh nghiệm thiết kế các dự án thoát nước và xử lý nước thải	3		
	>= 6 dự án (đạt 100% số điểm)		3	
	4-5 dự án (đạt 90% số điểm)		2,7	
	2-3 dự án (đạt 70% số điểm)		2,1	
	1 dự án (đạt 40% số điểm)		1,2	
	0 dự án (đạt 0 điểm)		0	
2	Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu	5		
	Nhà thầu không bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP trong vòng 02 năm tính đến thời điểm đóng thầu. Tất cả hợp đồng trước đó đảm bảo hoặc vượt yêu cầu về chất lượng, tiến độ thực hiện (đạt 100% số điểm)		5	
	Nhà thầu không bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP trong vòng 02 năm tính đến thời điểm đóng thầu. 75% các hợp đồng trước đó đảm bảo hoặc vượt yêu cầu về chất lượng, tiến độ thực hiện (đạt 90% số điểm)		4,5	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm tối thiểu
	<i>Nhà thầu không bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP trong vòng 02 năm tính đến thời điểm đóng thầu. 50% các hợp đồng trước đó đảm bảo hoặc vượt yêu cầu về chất lượng, tiến độ thực hiện (đạt 70% số điểm)</i>		3,5	
	<i>Nhà thầu không bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP trong vòng 02 năm tính đến thời điểm đóng thầu. 25% các hợp đồng trước đó đảm bảo hoặc vượt yêu cầu về chất lượng, tiến độ thực hiện (đạt 40% số điểm)</i>		2	
	<i>Không có hợp đồng trước đó đảm bảo hoặc vượt yêu cầu về chất lượng, tiến độ thực hiện (đạt 0 điểm) hoặc nhà thầu bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP trong vòng 02 năm tính đến thời điểm đóng thầu</i>		0	
3	Giải pháp và phương pháp luận	30		20
3.1	<i>Am hiểu về mục tiêu và nhiệm vụ của dự án đã nêu trong điều khoản tham chiếu</i>	5		
3.1.1	<i>Am hiểu chung về phạm vi, quy mô của dự án nêu trong điều khoản tham chiếu</i>	2		
3.1.2	<i>Đề xuất về kỹ thuật có các nội dung mô tả về vị trí, tuyến, đặc điểm của các dự án hợp phần</i>	1,5		
3.1.3	<i>Khảo sát hiện trường dự án (đề xuất về kỹ thuật có các hình minh họa vị trí, tuyến của các dự án hợp phần)</i>	1,5		
3.2	<i>Cách tiếp cận và phương pháp luận</i>	5		
3.2.1	<i>Đề xuất về kỹ thuật bao gồm tất cả hạng mục công việc quy định trong điều khoản tham chiếu. Các hạng mục công việc được phân chia thành những nhiệm vụ cụ thể một cách hoàn chỉnh và logic; đồng thời có phân công cho từng chuyên gia tư vấn đề xuất cho dự án.</i>	2		
3.2.2	<i>Phương pháp luận phù hợp với nhiệm vụ</i>	1,5		
3.2.3	<i>Đề xuất trình bày rõ ràng làm thế nào để thực hiện tốt được công việc (đặc biệt là những công việc mang tính đặc thù của dự án)</i>	1,5		
3.3	<i>Sáng kiến cải tiến</i>	2		
3.3.1	<i>Đề xuất các sáng kiến cải tiến để thực hiện tốt hơn các công việc nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện dự án</i>	1		
3.3.2	<i>Cách tiếp cận và phương pháp luận của nhà thầu chuyên nghiệp và tiên tiến</i>	1		
3.4	<i>Cách trình bày đề xuất</i>	2		

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm tối thiểu
3.4.1	Đề xuất được kết cấu và trình bày một cách hợp lý, dễ theo dõi	1		
3.4.2	Đề xuất hoàn chỉnh và thuyết phục	1		
3.5	Kế hoạch triển khai	10		
3.5.1	Kế hoạch công việc bao gồm tất cả nhiệm vụ để thực hiện dự án. Mỗi một nhiệm vụ cụ thể phải được phân tích, mô tả một cách hoàn chỉnh, phù hợp và rõ ràng	5		
3.5.2	Kế hoạch triển khai phù hợp với phương pháp luận và tiến độ dự kiến	2,5		
3.5.3	Các bảng biểu mô tả kế hoạch thực hiện công việc và tiến độ nộp báo cáo	2,5		
3.6	Bố trí nhân sự hợp lý	6		
3.6.1	Nhân sự được bố trí theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu	3		
3.6.2	Thời điểm và thời gian huy động tư vấn phù hợp với kế hoạch triển khai	3		
4	Nhân sự	50		40
4.1	Tư vấn trưởng	13		11
4.1.1	Trình độ chung	3		
a	Bằng cấp	1,5		
	Giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ hoặc các bằng cấp tương đương khác (đạt 100% số điểm)		1,5	
	Kỹ sư, cử nhân (đạt 70% số điểm)		1,05	
	Trung cấp, cao đẳng hoặc các bằng cấp tương đương khác (đạt 0 điểm)		0	
b	Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan	1,5		
	>= 15 năm (đạt 100% số điểm)		1,5	
	10 - <15 năm (đạt 70% số điểm)		1,05	
	5 - < 10 năm (đạt 40% số điểm)		0,6	
	< 5 năm (đạt 0 điểm)		0	
4.1.2	Kinh nghiệm thiết kế các dự án cấp thoát nước và xử lý nước thải có quy mô tương tự	6		
a	Kinh nghiệm thiết kế dự án cấp nước	2		
	>= 5 dự án (đạt 100% số điểm)		2	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm tối thiểu
	3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm)		1,4	
	1 - 2 dự án (đạt 40% số điểm)		0,8	
	0 dự án (đạt 0 điểm)		0	
b	Kinh nghiệm thiết kế dự án thoát nước và xử lý nước thải	2		
	>= 5 dự án (đạt 100% số điểm)		2	
	3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm)		1,4	
	1 - 2 dự án (đạt 40% số điểm)		0,8	
	0 dự án (đạt 0 điểm)		0	
c	Kinh nghiệm ở vị trí tư vấn trưởng trong suốt quá trình làm việc	2		
	>= 5 dự án (đạt 100% số điểm)		2	
	3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm)		1,4	
	1 - 2 dự án (đạt 40% số điểm)		0,8	
	0 dự án (đạt 0 điểm)		0	
4.1.3	Kinh nghiệm làm việc trong khu vực Đông Nam Á	1,5		
	≥ 15 năm (đạt 100% số điểm)		1,5	
	10 - < 15 năm (đạt 80% số điểm)		1,2	
	5 - < 10 năm (đạt 50% số điểm)		0,75	
	1 - 5 năm (đạt 30% số điểm)		0,45	
	≤ 1 năm (đạt 0 điểm)		0	
4.1.4	Kinh nghiệm làm việc tại Việt Nam	1,5		
	≥ 5 năm (đạt 100% số điểm)		1,5	
	3 - 4 năm (đạt 70% số điểm)		1,05	
	1 - 2 năm (đạt 50% số điểm)		0,75	
	Không có kinh nghiệm (đạt 0 điểm)		0	
4.1.5	Trình độ tiếng Anh	1		

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm tối thiểu
	<i>Tốt (đạt 100% số điểm)</i>		1	
	<i>Khá (đạt 70% số điểm)</i>		0,7	
	<i>Trung bình (đạt 40% số điểm)</i>		0,4	
	<i>Kém (đạt 0 điểm)</i>		0	
4.2	<i>Tư vấn phó</i>	9		7
4.2.1	<i>Trình độ chung</i>	2		
a	<i>Bằng cấp</i>	1		
	<i>Giáo sư, tiến sỹ, thạc sỹ hoặc các bằng cấp tương đương khác (đạt 100% số điểm)</i>		1	
	<i>Kỹ sư, cử nhân (đạt 70% số điểm)</i>		0,7	
	<i>Trung cấp, cao đẳng hoặc các bằng cấp tương đương khác (đạt 0 điểm)</i>		0	
b	<i>Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan</i>	1		
	<i>>= 15 năm (đạt 100% số điểm)</i>		1	
	<i>10 – <15 năm (đạt 70% số điểm)</i>		0,7	
	<i>5 – < 10 năm (đạt 40% số điểm)</i>		0,4	
	<i>< 5 năm (đạt 0 điểm)</i>		0	
4.2.2	<i>Kinh nghiệm thiết kế các dự án cấp thoát nước và xử lý nước thải có quy mô tương tự</i>	4,5		
a	<i>Kinh nghiệm thiết kế dự án cấp nước</i>	1,5		
	<i>>= 5 dự án (đạt 100% số điểm)</i>		1,5	
	<i>3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm)</i>		1,05	
	<i>1 - 2 dự án (đạt 40% số điểm)</i>		0,6	
	<i>0 dự án (đạt 0 điểm)</i>		0	
b	<i>Kinh nghiệm thiết kế dự án thoát nước và xử lý nước thải</i>	1,5		
	<i>>= 5 dự án (đạt 100% số điểm)</i>		1,5	
	<i>3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm)</i>		1,05	
	<i>1 - 2 dự án (đạt 40% số điểm)</i>		0,6	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm tối thiểu
	0 dự án (đạt 0 điểm)		0	
c	Kinh nghiệm ở vị trí tư vấn phó (hoặc tư vấn trưởng) trong suốt quá trình làm việc	1,5		
	>= 5 dự án (đạt 100% số điểm)		1,5	
	3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm)		1,05	
	1 - 2 dự án (đạt 40% số điểm)		0,6	
	0 dự án (đạt 0 điểm)		0	
4.2.3	Kinh nghiệm làm việc trong khu vực Đông Nam Á	1		
	≥ 15 năm (đạt 100% số điểm)		1	
	10 - < 15 năm (đạt 80% số điểm)		0,8	
	5 - < 10 năm (đạt 50% số điểm)		0,5	
	1 - 5 năm (đạt 30% số điểm)		0,3	
	≤ 1 năm (đạt 0 điểm)		0	
4.2.4	Kinh nghiệm làm việc tại Việt Nam	1		
	≥ 5 năm (đạt 100% số điểm)		1	
	3 - 4 năm (đạt 70% số điểm)		0,7	
	1 - 2 năm (đạt 50% số điểm)		0,5	
	Không có kinh nghiệm (đạt 0 điểm)		0	
4.2.5	Trình độ tiếng Anh	0,5		
	Tốt (đạt 100% số điểm)		0,5	
	Khá (đạt 70% số điểm)		0,35	
	Trung bình (đạt 40% số điểm)		0,2	
	Kém (đạt 0 điểm)		0	
4.3	Chuyên gia, kỹ sư khác	28		22
4.3.1	Kỹ sư cấp nước	4		
4.3.2	Kỹ sư thoát nước	4		

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm tối thiểu
4.3.3	Kỹ sư công nghệ xử lý	4		
4.3.4	Kỹ sư địa chất	4		
4.3.5	Kỹ sư xây dựng dân dụng	4		
4.3.6	Chuyên gia về môi trường	4		
4.3.7	Chuyên gia tái định cư và các vấn đề xã hội	4		
	Tiêu chuẩn đánh giá của các chuyên gia, kỹ sư khác			
a	Bằng cấp	0,5		
	Giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ hoặc các bằng cấp tương đương khác (đạt 100% số điểm)		0,5	
	Kỹ sư, cử nhân (đạt 70% số điểm)		0,35	
	Trung cấp, cao đẳng hoặc các bằng cấp tương đương khác (đạt 0 điểm)		0	
b	Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan	1		
	>= 7 năm (đạt 100% số điểm)		1	
	4 – <7 năm (đạt 70% số điểm)		0,7	
	2 – < 4 năm (đạt 50% số điểm)		0,5	
	< 2 năm (đạt 0 điểm)		0	
c	Kinh nghiệm thực hiện các dự án có tính chất tương tự	1		
	>= 5 dự án (đạt 100% số điểm)		1	
	3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm)		0,7	
	1 - 2 dự án (đạt 50% số điểm)		0,5	
	0 dự án		0	
d	Kinh nghiệm làm việc trong khu vực Đông Nam Á	0,5		
	>= 5 năm (đạt 100% số điểm)		0,5	
	3 - < 5 năm (đạt 70% số điểm)		0,35	
	1 - < 3 năm (đạt 50% số điểm)		0,25	
	< 1 năm (đạt 0 điểm)		0	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm tối thiểu
<i>d</i>	<i>Kinh nghiệm làm việc tại Việt Nam</i>	<i>0,5</i>		
	<i>≥ 3 năm (đạt 100% số điểm)</i>		<i>0,5</i>	
	<i>1 - 2 năm (đạt 50% số điểm)</i>		<i>0,25</i>	
	<i>Không có kinh nghiệm (đạt 0 điểm)</i>		<i>0</i>	
<i>e</i>	<i>Trình độ tiếng Anh</i>	<i>0,5</i>		
	<i>Tốt (đạt 100% số điểm)</i>		<i>0,5</i>	
	<i>Khá (đạt 70% số điểm)</i>		<i>0,35</i>	
	<i>Trung bình (đạt 50% số điểm)</i>		<i>0,25</i>	
	<i>Kém (đạt 0 điểm)</i>		<i>0</i>	
Tổng		100		70